ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 78 /2026/QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về Cơ chế phối hợp trong quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi các Luật số: 35/2018/QH14, 61/2024/QH15, 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 65/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ Quy định việc giao khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 446/TTr-STNMT ngày 26 tháng 5 năm 2026 và Giám đốc của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 278/BC-STP ngày 22 tháng 5 năm 2026.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định về cơ chế phối hợp trong quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cơ chế phối hợp trong quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

2. Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về Cơ chế phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi *(được Quyết định tiếp tục áp dụng tại STT 25 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh)* hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Công an tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu có biển và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Tâm Hiển

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);
- Vụ pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách, tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP Tạ Văn Lực, CNXD;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.NQL

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Về Cơ chế phối hợp trong quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Quyết định số 78/2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định về mục đích, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp trong công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng: Các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan và UBND các xã, phường, đặc khu có biển trong quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Mục đích phối hợp

1. Thiết lập cơ chế phối hợp đồng bộ và nâng cao trách nhiệm phối hợp giữa các sở, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan và UBND các xã, phường, đặc khu có biển trong quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Tăng cường hiệu quả công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo bảo đảm phát triển bền vững.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

Cơ chế phối hợp được thực hiện dựa trên nguyên tắc tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 và các quy định khác có liên quan.

Chương II
NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

Điều 4. Xây dựng, thực thi pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm

a) Tham mưu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh;

b) Theo dõi việc thi hành pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; tổ chức rà soát, kiểm tra việc thực hiện và đề xuất kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh;

c) Rà soát, tổng kết và tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tư pháp phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi việc thi hành pháp luật; rà soát, kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh.

3. Công an tỉnh, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tổ chức, chỉ đạo hoạt động phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

4. Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các xã, phường, đặc khu có biển thực hiện:

a) Tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh;

b) Đề xuất, kiến nghị UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh;

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi việc thi hành pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Thực hiện chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; quy hoạch không gian biển quốc gia, kế hoạch sử dụng biển; quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh Quảng Ngãi

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan và UBND các xã, phường, đặc khu có biển:

a) Tham mưu UBND tỉnh góp ý dự thảo và triển khai thực hiện chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; quy hoạch không gian biển quốc gia, kế hoạch sử dụng biển; quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ có phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên;

b) Rà soát, xây dựng, hoàn thiện, trình UBND tỉnh phê duyệt và điều chỉnh chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

c) Tham mưu UBND tỉnh báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình tổ chức thực hiện chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; quy hoạch không gian biển quốc gia, kế hoạch sử dụng biển; quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ của tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật;

d) Cung cấp cho các sở, ban, ngành liên quan và UBND các xã, phường, đặc khu có biển các thông tin về chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ của tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm:

a) Cung cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường các thông tin, số liệu về các lĩnh vực theo quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều này;

b) Tham gia ý kiến về dự thảo chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; quy hoạch không gian biển quốc gia, kế hoạch sử dụng biển; quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ có phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên;

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng và thực hiện chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ; báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện trong phạm vi quản lý.

3. Sở Tài chính phối hợp cung cấp các thông tin, số liệu tổng hợp về quy hoạch, kế hoạch, đầu tư; định hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển và các thông tin, số liệu liên quan khác theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4. Sở Xây dựng cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng và định hướng phát triển các khu đô thị và các khu chức năng khác ở ven biển; các dự án khai thác vật liệu xây dựng có nguồn gốc từ biển và các công trình xây dựng ven biển, hải đảo; cung cấp các thông tin, số liệu về đường thủy nội địa, hoạt động vận tải thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cung cấp các thông tin, số liệu về du lịch vùng ven biển, hải đảo thuộc phạm vi quản lý.

6. Sở Công Thương cung cấp các thông tin, số liệu về dầu khí, công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng và sản xuất xi măng), các dạng năng lượng khác và các thông tin, số liệu liên quan khác liên quan đến lĩnh vực biển, hải đảo thuộc phạm vi quản lý.

7. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh cung cấp các thông tin, số liệu về khu vực bảo vệ, khu vực cấm, địa điểm cấm, vùng cấm, vùng cấm tạm thời,

khu vực hạn chế hoạt động, khu vực cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, an ninh, khu vực biên giới biển.

8. Sở Ngoại vụ cung cấp các thông tin, tài liệu về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong hoạt động đối ngoại liên quan đến lĩnh vực biển, hải đảo của tỉnh.

9. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi cung cấp các thông tin, số liệu về hoạt động đầu tư và quản lý tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý.

10. Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng và định hướng phát triển cảng biển, vùng nước cảng biển, luồng hàng hải thuộc phạm vi quản lý.

11. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có biển có trách nhiệm:

a) Cung cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thông tin, số liệu về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, tình hình quản lý, hiện trạng, định hướng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; thông tin, số liệu khu vực đầm phá, bãi bồi, vùng đệm, vùng bờ biển bị xói lở, rừng phòng hộ, đất ngập nước, khu vực cần bảo tồn hệ sinh thái biển; các giải pháp quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trong phạm vi quản lý;

b) Tham gia ý kiến về dự thảo chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; quy hoạch không gian biển quốc gia, kế hoạch sử dụng biển; quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ có phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên;

c) Phối hợp xây dựng, tổ chức thực hiện và báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ của tỉnh, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quản lý, thực hiện hoạt động điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các xã, phường, đặc khu có biển tham mưu UBND tỉnh đề xuất các dự án, đề án, nhiệm vụ điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp theo quy định; tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Tham mưu UBND tỉnh phối hợp với các bộ, ngành Trung ương thực hiện Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo đến năm 2030;

c) Chủ trì xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh;

d) Cung cấp các thông tin, số liệu về điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo cho các sở, ngành liên quan và UBND các xã, phường, đặc khu có biển theo quy định của pháp luật;

đ) Tham mưu UBND tỉnh báo cáo định kỳ hàng năm về hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo do tỉnh thực hiện, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm cung cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường các nội dung sau đây:

a) Sở Công Thương cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên dầu khí, các dạng năng lượng khác thuộc lĩnh vực được giao quản lý;

b) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản các khu du lịch, điểm du lịch, các di sản thiên nhiên quốc gia và thế giới (nếu có), các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh tại vùng ven biển, hải đảo;

c) Sở Tài chính phối hợp cung cấp các thông tin về định hướng phát triển các ngành kinh tế trong các quy hoạch liên quan phục vụ nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

d) Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh cung cấp các thông tin, số liệu về tình hình an ninh, trật tự, an toàn trên biển, hải đảo.

3. UBND các xã, phường, đặc khu có biển có trách nhiệm:

a) Cung cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên biển, hải đảo do địa phương thực hiện;

b) Báo cáo định kỳ hàng năm về công tác điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường do địa phương thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Thiết lập hệ thống quan trắc, giám sát tổng hợp về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo; xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường biển, hải đảo

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu UBND tỉnh phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong việc thiết lập hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên và môi trường biển, hải đảo;

b) Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên và môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các xã, phường, đặc khu có biển xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo của tỉnh;

c) Tổ chức điều tra, đánh giá hiện trạng hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên và môi trường biển, hải đảo; hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo của tỉnh và tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định;

d) Cung cấp, chia sẻ các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường biển, hải đảo cho các sở, ban, ngành liên quan và UBND các xã, phường, đặc khu có biển khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

2. Các Sở: Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng, Tài chính; Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi; Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu có biển có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo của tỉnh;

b) Cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo do đơn vị quản lý cho Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Các đơn vị, tổ chức có liên quan có trách nhiệm cung cấp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo phục vụ công tác quản lý, phát triển kinh tế biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 8. Kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo; ứng phó, khắc phục sự cố môi trường trên biển

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu UBND tỉnh phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường: điều tra, đánh giá tình trạng ô nhiễm, xác định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển, hải đảo và lập bản đồ phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển, hải đảo; giải quyết việc bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường biển, hải đảo theo quy định của pháp luật;

b) Tham mưu UBND tỉnh cung cấp cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường số liệu quan trắc, giám sát môi trường biển, hải đảo của tỉnh;

c) Xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, xử lý và khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, hải đảo theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu có biển liên quan thực hiện công tác phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô

nhiễm, ứng phó kịp thời và khắc phục có hiệu quả các sự cố môi trường trên biển trên địa bàn tỉnh;

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu có biển liên quan huy động các nguồn lực để ngăn chặn, ứng phó các sự cố môi trường trên biển, hải đảo; giải quyết việc bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường biển, hải đảo theo quy định của pháp luật;

e) Định kỳ hàng năm tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường về tình hình bảo vệ môi trường biển, hải đảo; việc thực hiện các chương trình, kế hoạch phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm biển, hải đảo và các sự cố môi trường trên biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành liên quan và UBND các xã, phường, đặc khu có biển có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc điều tra, đánh giá tình trạng ô nhiễm, xác định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển, hải đảo; lập bản đồ phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh;

b) Tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, xử lý và khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, hải đảo theo quy định của pháp luật; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo; tham gia ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu, hóa chất trên biển; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố môi trường trên biển, sạt lở bờ biển thuộc phạm vi quản lý;

c) Phối hợp thực hiện công tác phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm, ứng phó kịp thời và khắc phục có hiệu quả sự cố môi trường trên biển, hải đảo thuộc phạm vi quản lý;

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết việc bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường biển, hải đảo theo quy định của pháp luật;

đ) Cung cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường các thông tin, số liệu về kết quả quan trắc, đánh giá tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo, hiện trạng chất lượng nước, trầm tích các hệ sinh thái và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo; tình hình quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo; tình hình ứng phó, khắc phục sự cố môi trường trên biển, hải đảo thuộc phạm vi quản lý;

e) Báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện các chương trình, kế hoạch phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm biển, hải đảo, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường trên biển, hải đảo; bảo vệ môi trường biển, hải đảo thuộc phạm vi quản lý, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tuyên truyền về biển, hải đảo; phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì:

a) Xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch tuyên truyền về biển, hải đảo; phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát và khắc phục sự cố môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh;

b) Hỗ trợ, trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu cho các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu có biển liên quan và các cơ quan báo chí, phóng viên thường trú hoạt động trên địa bàn để phục vụ công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát và khắc phục hậu quả sự cố môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh;

c) Tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam trên địa bàn tỉnh;

d) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, phổ biến chính sách, giám sát việc thực hiện pháp luật về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật về biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức tuyên truyền về biển, hải đảo; phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo cho các đối tượng học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn các đơn vị, UBND các xã, phường, đặc khu có biển, cơ quan báo chí, truyền thông tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh.

5. Các sở, ban, ngành liên quan và UBND các xã, phường, đặc khu có biển có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch tuyên truyền về biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh;

b) Định kỳ hàng năm, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường kết quả công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển, hải đảo thuộc phạm vi quản lý.

Điều 10. Hợp tác quốc tế về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh:

1. Mở rộng quan hệ, xúc tiến hợp tác với một số địa phương ở nước ngoài và các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh.

2. Báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình hợp tác quốc tế trong quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan và UBND các xã, phường, đặc khu có biển trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị, địa phương có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy định này.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan và UBND các xã, phường, đặc khu có biển phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Môi trường*) để tổng hợp, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.